TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DSST
Ngày 09-10-2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Đào.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự

1. Đồng nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 15/9/2015 bà Nguyễn Thị M có mượn của bà và ông Nguyễn Phúc T số tiền là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng về buôn bán làm ăn, cam kết đến ngày 15/01/2016 sẽ hoàn trả cho bà T, ông T số tiền đã mượn. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bà M chỉ trả được 1.000.000 (Một triệu) đồng cho bà T và ông T. Nhiều lần bà T, ông T yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà M ù lì, không chịu trả. Do đó, bà T và ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M trả cho bà T và ông T số tiền nợ bà M còn thiếu là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng. Ngoài ra, bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, đồng

nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông T yêu cầu Tòa án buộc bà M trả nợ cho bà T và ông T số tiền là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng. Ngoài ra, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 15/9/2015, bà M có mượn của ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị T số tiền là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng để làm ăn, sau đó bà M đã trả được 1.000.000 (Một triệu) đồng. Bà M mượn số tiền này sử dụng cho cá nhân bà M, gia đình bà M không biết. Số tiền hiện nay bà M còn nợ bà T và ông T là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng. Nay bà T và ông T khởi kiện bà M thống nhất trả nợ cho bà T và ông T. Tuy nhiên, do điều kiện của bà quá khó khăn, không thể trả hết một lần số tiền trên cho bà T và ông T. Bà M có nguyện vọng trả nợ dần, mỗi tháng trả 300.000 đồng đến 500.000 đồng cho bà T và ông T cho đến khi hết số tiền nợ; nếu mỗi tháng trả 1.000.000 đồng thì bắt đầu từ tháng 01/2019 bà M mới có khả năng trả. Ngoài ra, bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của bà T và ông T: Ban đầu, bà T và ông T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ là 25.000.000 đồng. Sau đó, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà T và ông T chỉ yêu cầu bà M trả cho bà T và ông T số tiền nợ là 24.000.000 đồng. Bị đơn bà M khai có nợ bà T và ông T số tiền là 24.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền nợ này, nhưng bà M xin trả góp dần hằng tháng cho đến khi trả hết số tiền nợ cho ông T và bà T. Tại phiên tòa, bà M có nguyện vọng mỗi tháng sẽ trả 500.000 đồng, bắt đầu đến tháng 01/2019 thì mỗi tháng sẽ trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Tuy nhiên, bà T và ông T không đồng ý với nguyện vọng trả góp của bà M và yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phúc T với bà Nguyễn Thị M vào ngày 15/9/2015 là có thật và các bên thỏa thuận vay tiền hoàn toàn tự nguyện. Với tài liệu, chứng cứ là giấy mượn tiền do bà T và ông T cung cấp và theo lời khai của các bên có đủ cơ sở xác định: bà M có mượn bà T và ông T số tiền là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng để buôn bán làm ăn, cam kết đến ngày 15/01/2016 sẽ hoàn trả cho bà T, ông T số tiền đã mượn nhưng bà M không trả nợ như đã cam kết. Hiện nay, bà M còn nợ bà T và ông T số tiền là 24.000.000 (*Hai mươi bốn triệu*) đồng. Bà T và ông T khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ thì bà M chấp nhận trả nợ và xin trả góp nhưng bà T và ông T không đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T và ông T là có căn cứ theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận, buộc bà M phải trả cho bà T và ông T số tiền nợ là 24.000.000 (*Hai mươi bốn triệu*) đồng.

[2] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ cho bà T và ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phúc T, buộc bà Nguyễn Thị M chịu trách nhiệm trả cho bà T và ông T số tiền là 24.000.000 (*Hai mươi bốn triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.200.000 *(Một triệu hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phúc T số tiền tạm ứng án phí bà T, ông T đã nộp là 625.000 *(Sáu trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003383 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/10/2018).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Quân